Chi tiết mã HS 7002.31.90

Mã HS	7002.31.90
Mô tả hàng hóa	Thủy tinh ở dạng hình cầu (trừ loại vi cầu thủy tinh thuộc nhóm 70.18), dạng thanh hoặc ống, chưa gia công / - Dạng ống: / - - Bằng thạch anh nung chảy hoặc các dạng dioxit silic nung chảy khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:39:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70023190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10429
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10429
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10429
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9904
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9855
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9855
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9855
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9855
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9855
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9855
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9907
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9907

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9907
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9907
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9907
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9907
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9908
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9908
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9908
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9908
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9908
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9908
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9909
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9861
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9867
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9867
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9867
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9867
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9867
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9867
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9892
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9892
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9892
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9892
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9892
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9892
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9939
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9939

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9939
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9939
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9939
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9939
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9930
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9930
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9930
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9930
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9930
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9930
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D9930
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E9930
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F9930
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G9930
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H9930
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9930
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9941
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9941
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9941
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9941
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9941
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9941
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9940
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9940
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9940
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9940

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9940
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9940
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9887
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9887
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9887
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9887
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9887
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9887
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9887
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9924
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9924
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9924
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9924
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9924
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9924
RCEP B	2022	2022	0	B!D9924
RCEP B	2023	2023	0	B!E9924
RCEP B	2024	2024	0	B!F9924
RCEP B	2025	2025	0	B!G9924
RCEP B	2026	2026	0	B!H9924
RCEP B	2027	2027	0	B!I9924
RCEP C	2022	2022	0	C!D9924
RCEP C	2023	2023	0	C!E9924
RCEP C	2024	2024	0	C!F9924
RCEP C	2025	2025	0	C!G9924
RCEP C	2026	2026	0	C!H9924

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9924
RCEP D	2022	2022	0	D!D9923
RCEP D	2023	2023	0	D!E9923
RCEP D	2024	2024	0	D!F9923
RCEP D	2025	2025	0	D!G9923
RCEP D	2026	2026	0	D!H9923
RCEP D	2027	2027	0	D!I9923
RCEP E	2022	2022	0	E!D9927
RCEP E	2023	2023	0	E!E9927
RCEP E	2024	2024	0	E!F9927
RCEP E	2025	2025	0	E!G9927
RCEP E	2026	2026	0	E!H9927
RCEP E	2027	2027	0	E!I9927
RCEP F	2022	2022	0	F!D9924
RCEP F	2023	2023	0	F!E9924
RCEP F	2024	2024	0	F!F9924
RCEP F	2025	2025	0	F!G9924
RCEP F	2026	2026	0	F!H9924
RCEP F	2027	2027	0	F!I9924
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F9176
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G9176
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H9176
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I9176

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7002.31 có 2 dòng thuế; dòng 7002.31.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7002.31.10 Loại sử dụng để sản xuất ống chân không(SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7002.31.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7002.31.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10429), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.